

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

1. Tên môn học: Thực hành nghề nghiệp 1

2. Mã môn học: 420127

Thời gian thực hiện môn học: 225 giờ (Lý thuyết: 0 giờ; Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập: 217 giờ; Kiểm tra: 08 giờ)

3. Vị trí, tính chất môn học:

3.1. Vị trí: Môn Thực hành nghề nghiệp nằm trong khối kiến thức chuyên ngành.

3.2. Tính chất: Học phần nhằm giúp sinh viên tiếp cận và hiểu rõ hơn chức năng, nhiệm vụ của ngành dược trong lĩnh vực sản xuất, quản lý và cung ứng thuốc phục vụ sức khỏe nhân dân. Trên cơ sở đó sinh viên có thể thực hiện được nhiệm vụ của mình sau khi tốt nghiệp.

Học phần chỉ có thực hành, không có lý thuyết và được thực hiện tại các cơ sở ngoài trường.

3.3. Ý nghĩa và vai trò của môn học: Môn học trang bị cho sinh viên những kiến thức về thực hành nghề nghiệp thuộc tại các địa điểm trong khoa được bệnh viện giúp cho sinh viên củng cố lại toàn bộ kiến thức, kỹ năng phục vụ thực hành nghề nghiệp sau này.

4. Mục tiêu môn học

4.1. Về Kiến thức:

A1. Phát hiện được các tương tác thuốc thường gặp và đưa ra biện pháp hạn chế tương tác bất lợi;

A2. Hoàn thiện, bổ sung thêm kiến thức và kinh nghiệm thực tiễn trong hoạt động hành nghề dược

4.2. Về kỹ năng:

B1. Giao tiếp có hiệu quả với đồng nghiệp, bệnh nhân và cộng đồng;

B2. Xác định được các tình huống cần có sự tư vấn của dược sỹ hoặc bác sỹ;

B3. Kiểm tra, kiểm soát thuốc và dụng cụ y tế về số lượng, chất lượng và hạn sử dụng;

B4. Lập được kế hoạch cung ứng, bảo quản, cấp phát, sử dụng thuốc, vật tư y tế tiêu hao;

B5. Sử dụng được công nghệ thông tin cơ bản theo quy định; khai thác, xử lý, ứng dụng công nghệ thông tin trong công việc chuyên môn của ngành, nghề;

4.3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

C1. Tuân thủ các nguyên tắc sử dụng các trang thiết bị trong ngành được;

C2. Đáp ứng được yêu cầu trong công việc thực hiện nhiệm vụ của một được sĩ trình độ cao đẳng.

5. Nội dung môn học

5.1. Chương trình khung

Mã MH	Tên môn học,	Số tín chỉ	Thời gian học tập (giờ)			
			Tổng số	Trong đó		
				Lý thuyết	Thực hành/thực tập/thí nghiệm/bài tập/thảo luận	Kiểm tra
I	Các môn học chung/đại cương	22	435	156	256	23
420101	Chính trị	4	75	41	29	5
420102	Tiếng anh	6	120	42	72	6
420103	Tin học	3	75	15	58	2
420104	Giáo dục thể chất	2	60	4	52	4
420105	Giáo dục quốc phòng - an ninh	5	75	36	35	4
420106	Pháp luật	2	30	18	10	2
II	Các môn học chuyên môn ngành, nghề	101	2370	796	1453	121
II.1	Môn học cơ sở	24	495	199	269	27

420107	Sinh học	2	45	14	29	2
420108	Xác suất thống kê	2	45	14	29	2
420109	Giải phẫu – Sinh lý	4	75	43	26	6
420110	Hóa sinh	2	30	28	0	2
420111	Hóa đại cương-vô cơ	3	60	28	29	3
420112	Hóa hữu cơ	3	60	28	29	3
420113	Vi sinh – Ký sinh trùng	3	60	29	28	3
420114	Hóa phân tích	4	90	28	58	4
II.2	Môn học chuyên môn, ngành nghề	59	1500	441	992	67
420115	Pháp chế Dược	3	60	28	26	6
420116	Thực vật dược	4	75	43	28	4
420117	Bào chế	5	105	43	58	4
420118	Hóa dược	5	105	43	58	4
420119	Dược liệu	5	105	43	58	4
420120	Kiểm nghiệm	5	105	44	58	4
420121	Dược lý I	2	30	28	0	2
420122	Dược lý II	5	105	43	58	4
420123	Tổ chức quản lý dược	3	60	28	26	6
420124	Quản lý tồn trữ thuốc	2	30	28	0	2
420125	Dược học cổ truyền	4	90	28	58	4
420126	Dược lâm sàng	6	180	43	130	7

420127	Thực hành nghề nghiệp 1	5	225		217	8
420128	Thực hành nghề nghiệp 2	5	225		217	8
II.3	Môn học tự chọn	18	375	156	192	27
	Nhóm 1	18	375	156	192	27
420129	Bệnh học	4	75	43	28	4
420130	Anh văn chuyên ngành	2	45	15	28	2
420131	Marketing Dược	2	45	14	26	5
420132	Kinh tế dược	2	45	14	26	5
420133	Kỹ năng giao tiếp bán hàng	4	90	28	58	4
420134	Quản trị kinh doanh dược	2	45	14	26	5
420135	Đảm bảo chất lượng thuốc	2	30	28	0	2
	Nhóm 2	18	375	156	192	27
420129	Bệnh học	4	75	43	28	4
420130	Anh văn chuyên ngành	2	45	15	28	2
420131	Đạo đức hành nghề Dược	2	30	28	0	2
420132	Một số dạng bào chế đặc biệt	2	45	14	26	5
420133	Kỹ năng giao tiếp bán	4	90	28	55	7

	hàng					
420134	Thực hành Dược khoa	2	60	0	55	5
420135	Đảm bảo chất lượng thuốc	2	30	28	0	2
Tổng cộng chung		123	2805	952	1709	144

5.2. Chương trình chi tiết môn học

STT	Nội dung thực tập	Chỉ tiêu
1	- Cấp phát thuốc (tân dược và đông dược). - Sắp xếp, bảo quản thuốc, dụng cụ y tế trong kho.	10 lần
2	Lập bảng Dự trữ thuốc và dụng cụ y tế theo quý của khoa Dược Bệnh viện.	1
3	Viết báo cáo thu hoạch: - Mô hình tổ chức, chức năng, nhiệm vụ và biên chế của khoa Dược trong Bệnh viện. - Các loại tài liệu chuyên môn, sổ sách, biểu mẫu liên quan đến công tác quản lý thuốc tại khoa Dược.	01 bản

6. Điều kiện thực hiện môn học

- Địa điểm thực tập: Khoa Dược của các bệnh viện
- Nội dung, kế hoạch thực tế ngành do trường Cao đẳng Y tế Sơn La xây dựng và ban hành.

7. Nội dung và phương pháp đánh giá

7.1. Nội dung

- Kiến thức: Đánh giá tất cả nội dung đã nêu trong mục tiêu kiến thức.
- Kỹ năng: Đánh giá tất cả nội dung đã nêu trong mục tiêu kỹ năng.
- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Trong quá trình học tập, người học cần:
 - + Nghiên cứu bài trước khi đến lớp.
 - + Chuẩn bị đầy đủ tài liệu học tập.
 - + Tham gia đầy đủ thời lượng môn học.

+ Nghiêm túc trong quá trình học tập.

7.2. Phương pháp

7.2.1. Cách đánh giá

- Áp dụng quy chế đào tạo Cao đẳng hệ chính quy ban hành kèm theo Thông tư số 09/2017/TT-LĐTBXH, ngày 13/3/2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

- Hướng dẫn thực hiện quy chế đào tạo áp dụng tại Trường Cao đẳng Y tế Sơn La như sau:

Điểm đánh giá	Trọng số
+ Điểm kiểm tra thường xuyên (Hệ số 1)	40%
+ Điểm kiểm tra định kỳ (Hệ số 2)	
+ Điểm thi kết thúc môn học	60%

- Tại Khoa Dược của mỗi Bệnh viện (Thực hành nghề nghiệp 1)

+ Điểm kiểm tra thường xuyên : 1 điểm (Sắp xếp thuốc, dụng cụ y tế trong kho).

+ Điểm kiểm tra định kỳ: 1 điểm (kiểm tra kỹ năng cấp phát, hướng dẫn sử dụng thuốc).

+ Điểm thi kết thúc học phần: (Điểm lập bản dự trù + cáo báo thu hoạch)/2

- Bảng điểm phải có chữ ký, ghi rõ họ tên của người hướng dẫn và đóng dấu xác nhận của Bệnh viện.

7.2.2. Phương pháp đánh giá

7.2.2. Phương pháp đánh giá

Phương pháp đánh giá	Phương pháp tổ chức	Hình thức kiểm tra	Chuẩn đầu ra đánh giá	Số cột	Thời điểm kiểm tra
Thường xuyên	Thực hành	Thực hành	A1, A2, B1, B2, B3, B4, B5, C1, C2	1	Trong quá trình thực tập
Định kỳ	thực hành	thực hành	A1, A2, B1, B2, B3, B4, B5, C1, C2	2	Trong quá trình thực tập
Kết thúc môn	Viết báo cáo	Báo cáo	A1, A2, B1,	2	Sau khi kết

học			B2, B3, B4, B5, C1, C2		thức đột thực tập
-----	--	--	---------------------------	--	----------------------

7.2.3. Cách tính điểm

- Điểm đánh giá thành phần và điểm thi kết thúc môn học được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.

- Điểm môn học là tổng điểm của tất cả điểm đánh giá thành phần của môn học nhân với trọng số tương ứng. Điểm môn học theo thang điểm 10 làm tròn đến một chữ số thập phân.

8. Hướng dẫn thực hiện môn học

8.1. Phạm vi, đối tượng áp dụng: Môn học được áp dụng cho đối tượng sinh viên Cao đẳng Điều dưỡng hệ chính quy học tập tại Trường CDYT Sơn La.

8.2. Phương pháp giảng dạy, học tập môn học

8.2.1. Đối với người dạy

+ Lý thuyết: Thuyết trình, động não, thảo luận nhóm, làm việc nhóm, giải quyết tình huống.

+ Thực hành, bài tập: Thực hành cấp phát thuốc.

+ Hướng dẫn tự học theo nhóm: Nhóm trưởng phân công các thành viên trong nhóm tìm hiểu, nghiên cứu theo yêu cầu nội dung trong bài học, cả nhóm thảo luận, trình bày nội dung, ghi chép và viết báo cáo nhóm.

8.2.2. Đối với người học

Người học phải thực hiện các nhiệm vụ như sau:

- Nghiên cứu kỹ bài học tại nhà trước khi đến lớp. Các tài liệu tham khảo sẽ được cung cấp nguồn trước khi người học vào học môn học này (trang web, thư viện, tài liệu...)

- Tham dự tối thiểu 70% các buổi giảng lý thuyết và thực hành. Nếu người học vắng >30% số tiết lý thuyết hoặc thực hành phải học lại môn học mới được tham dự kì thi lần sau.

- Tự học và thảo luận nhóm: là một phương pháp học tập kết hợp giữa làm việc theo nhóm và làm việc cá nhân. Một nhóm gồm 8-10 người học sẽ được cung cấp chủ đề thảo luận trước khi học lý thuyết, thực hành. Mỗi người học sẽ chịu trách nhiệm về 1 hoặc một số nội dung trong chủ đề mà nhóm đã phân công để phát triển và hoàn thiện tốt nhất toàn bộ chủ đề thảo luận của nhóm.

- Tham dự đủ các bài kiểm tra thường xuyên, định kỳ.

- Tham dự thi kết thúc môn học.

- Chủ động tổ chức thực hiện giờ tự học.

9. Tài liệu tham khảo

[1]. Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội (2018), Thông tư số 54/2018/TT-BLĐTBXH ngày 28/12/2018 của Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội về việc quy định khối lượng kiến thức tối thiểu yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng các ngành, nghề thuộc lĩnh vực sức khỏe và dịch vụ xã hội.